

Nam Định, ngày 30 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 8 năm 2024****A. THÔNG TIN CHUNG:**

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ: Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Hoàng, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	6.000	23.230	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quỹ Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	11.260	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú:- Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

4. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
15	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
14	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không.

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không./.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 8/2024);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng KT&QLCLN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
2. **Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Đặng Văn Cẩm - Địa chỉ: Xóm 5, Xuân Vinh, Xuân Trường, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Văn Lành - Địa chỉ: Xóm 5, Xuân Vinh, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,24	0,28	0,36	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,90	0,38	0,37	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,92	7,92	7,94	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,557	0,557	0,557	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	6,343	6,343	6,362	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	84,0	84,0	84,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	74,5	75,1	75,5	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
2. **Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đặng Văn Cẩm - Địa chỉ: Xóm 5, Xuân Vinh, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Lành - Địa chỉ: Xóm 5, Xuân Vinh, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. **Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiên - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Phan Văn Cương - Địa chỉ: Xóm 8, Bình Hoà, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Phan Văn Vĩnh - Địa chỉ: Xóm 8, Bình Hoà, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đặng Văn Thành - Địa chỉ: Xóm 1, Bình Hoà, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A									
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,30	0,32	0,36	0,41	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,62	0,33	0,30	0,25	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,86	7,89	7,89	7,90	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
II Mức độ giám sát B									
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,577	0,577	0,578	0,578	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	6,705	6,705	6,705	6,724	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,851	0,851	1,021	1,021	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	< 0,11	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	0,204	0,210	0,210	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	74,8	75,8	76,1	76,3	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Phan Văn Cường - Địa chỉ: Xóm 8, Bình Hoà, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Phan Văn Vĩnh - Địa chỉ: Xóm 8, Bình Hoà, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đặng Văn Thành - Địa chỉ: Xóm 1, Bình Hoà, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
2. **Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Lạc - Địa chỉ: Xóm 7, Xuân Phong, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Thuật - Địa chỉ: Xóm 7, Xuân Phong, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,28	0,33	0,39	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,56	0,29	0,26	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,84	7,84	7,85	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,621	0,622	0,626	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	8,421	8,421	8,421	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	80,0	80,0	80,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,113	9,113	9,478	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	< 0,11	< 0,11	< 0,11	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,210	0,216	0,216	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	76,2	77,1	77,5	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Lạc - Địa chỉ: Xóm 7, Xuân Phong, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Thuật - Địa chỉ: Xóm 7, Xuân Phong, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Văn Tuấn - Địa chỉ: Thôn Trù, Nam Cường, huyện Nam Trực, Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Quý - Địa chỉ: Xóm Đoài, Nam Cường, huyện Nam Trực, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,38	0,40	0,45	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,54	0,50	0,47	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,87	7,88	7,90	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,578	0,578	0,578	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	5,619	5,619	5,619	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	0,511	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	84,0	84,0	84,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	76,1	76,9	76,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Văn Tuấn - Địa chỉ: Thôn Trù, Nam Cường, huyện Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Quý - Địa chỉ: Xóm Đoài, Nam Cường, huyện Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 15/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Khoa - Địa chỉ: Thôn Phúc Thiện, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Hoàng Ngọc Đức - Địa chỉ: Thôn Xẫy, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,11	0,15	0,30	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,52	0,50	0,45	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,88	7,88	7,89	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,547	0,547	0,547	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	5,848	5,867	5,867	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	85,0	85,0	85,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,227	0,227	0,233	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	77,0	77,5	77,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Khoa - Địa chỉ: Thôn Phúc Thiện, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Hoàng Ngọc Đức - Địa chỉ: Thôn Xầy, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 15/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. **Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Quỳnh - Địa chỉ: Xóm 5, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Chiến - Địa chỉ: Phố Đoài, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,42	0,50	0,56	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,49	0,42	0,35	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,78	7,79	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,410	0,411	0,411	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	6,686	6,686	6,686	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,021	1,021	1,021	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	84,0	84,0	84,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,039	16,039	16,039	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	74,8	75,3	75,5	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCNuoocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Quynh - Địa chỉ: Xóm 5, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Chiến - Địa chỉ: Phố Đoài, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 15/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT




Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỳ Nhất
2. **Địa chỉ:** TT. Quỳ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Thị Ngát - Địa chỉ: TDP6, TT. Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Hoàng Văn Bắc - Địa chỉ: Xóm 6, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Trong đó:
+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).
5. **Ngày lấy mẫu:** 14/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 14/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,14	0,26	0,37	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,85	0,52	0,43	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,87	7,89	7,89	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,409	0,409	0,410	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	6,305	6,305	6,305	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,404	16,404	16,404	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,216	0,221	0,221	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	79,2	80,1	80,8	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quý Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quý Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Thị Ngát - Địa chỉ: TDP6, TT. Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Hoàng Văn Bắc - Địa chỉ: Xóm 6, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 14/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 14/8/2024 đến 16/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
2. **Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Ngọc Thoan - Địa chỉ: Xóm 7, Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Mai Thị Lâm - Địa chỉ: Khu 2, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	6,0	6,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,10	0,19	0,22	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,62	0,54	0,50	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,85	7,90	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,623	0,623	0,624	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	9,507	9,507	9,526	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,681	0,681	0,851	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	136,0	136,0	136,0	Đạt
12	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	26,246	26,246	26,611	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,413	0,419	0,419	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	190,0	191,0	191,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Ngọc Thoan - Địa chỉ: Xóm 7, Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Mai Thị Lâm - Địa chỉ: Khu 2, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 15/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Quang Mạnh - Địa chỉ: Xóm 3, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Công Hữu - Địa chỉ: Xóm 7, Hải An, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	5,0	5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,12	0,17	0,22	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,47	0,39	0,32	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,90	7,90	7,95	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,623	0,624	0,624	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Quang Mạnh - Địa chỉ: Xóm 3, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Công Hữu - Địa chỉ: Xóm 7, Hải An, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C

- Ngày lấy mẫu:** 13/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 13/8/2024 đến 15/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
2. **Địa chỉ:** Liên Bảo - Vụ Bản - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Nam - Địa chỉ: Khải Chính, Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quang Thuận - Địa chỉ: Tiên Chương, Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,42	0,51	0,56	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,67	0,33	0,31	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,83	7,85	7,86	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,624	0,626	0,634	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	6,629	6,629	6,629	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	0,511	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,227	0,233	0,233	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	85,1	86,3	87,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Nam - Địa chỉ: Khải Chính, Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quang Thuần - Địa chỉ: Tiên Chương, Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
2. **Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Lịch - Địa chỉ: xóm Mai, Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Hoan - Địa chỉ: Xóm 8, Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 14/8/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 14/8/2024 đến 29/8/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,53	0,57	0,63	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,97	0,75	0,69	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,82	7,82	7,83	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,572	0,572	0,572	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	5,733	5,733	5,752	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	82,0	82,0	82,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	< 0,2	0,210	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	70,5	71,5	71,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPUoocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Lịch - Địa chỉ: xóm Mai, Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Hoan - Địa chỉ: Xóm 8, Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 14/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 14/8/2024 đến 16/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Vũ Đường - Địa chỉ: Xóm 34, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quốc Dũng - Địa chỉ: Xóm Tướng Loát, Yên Trị, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,20	0,40	0,57	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,80	0,60	0,40	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,82	7,84	7,85	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,622	0,626	0,634	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	15,855	15,855	15,855	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,113	9,113	9,113	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,221	0,221	0,245	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	91,5	91,7	92,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Vũ Đường - Địa chỉ: Xóm 34, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Quốc Dũng - Địa chỉ: Xóm Tương Loát, Yên Trị, Ý Yên, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mù xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPUuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



VILAS 1228

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Lê Văn Thuận - Địa chỉ: Xóm Phận, Thôn Ngô Xá 2, Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Mai Hồng Tú - Địa chỉ: Thôn Mễ Thượng, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	10,0	10,0	10,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,44	0,50	0,67	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,50	0,39	0,20	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,87	7,87	7,89	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	0,013	0,013	0,013	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,569	0,569	0,569	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	13,815	13,815	13,815	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,191	1,191	1,362	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	106,0	106,0	106,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	20,414	20,414	20,414	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	0,419	0,425	0,425	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	112,0	112,0	113,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Lê Văn Thuấn - Địa chỉ: Xóm Phận, Thôn Ngô Xá 2, Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Mai Hồng Tú - Địa chỉ: Thôn Mễ Thượng, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Nam Cao - Địa chỉ: Xóm Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đình Hiên - Địa chỉ: Xóm Điện Biên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 29/8/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,50	0,70	0,78	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,55	0,40	0,27	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,91	7,93	7,93	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,621	0,622	0,622	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	6,743	6,743	6,743	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,681	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2017	< 0,2	0,204	0,204	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	89,1	89,5	89,7	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT




Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Hoàng, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Nam Cao - Địa chỉ: Xóm Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đình Hiên - Địa chỉ: Xóm Điện Biên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 20/8/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 20/8/2024 đến 22/8/2024

8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 29 tháng 8 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.